

KHẢ QUAN

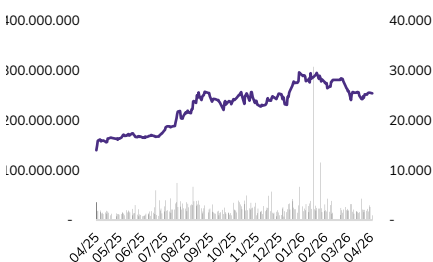
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 14/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 26.100
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 29.500
Tỷ lệ tăng (%)	: 13,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 130.637
SLCPLH (Triệu CP)	: 5.005

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/24	Q4/25
TT tín dụng (% svđn)	28,1%	31,0%
TT huy động (% svđn)	5,5%	33,9%
TT thu nhập lãi (% svck)	9,8%	18,9%
NIM (%)	5,7%	5,0%
LDR thuần (%)	86,5%	87,1%
NPL (%)	1,9%	2,4%
LLR (%)	68,7%	54,8%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	37,5%	31,0%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Duy trì đà tăng trưởng cao

- **KQKD Q4/2025: Tăng trưởng được hỗ trợ từ khoản thoái vốn VJC.**
- ✓ Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của HDB đạt 12.330 tỷ đồng (+30,4% svck), được thúc đẩy bởi cả thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tích cực svck, đạt lần lượt là 9.756 tỷ đồng (+18,9% svck) và 2.575 tỷ đồng (+106,2%). Đáng chú ý, trong kỳ, công ty ghi nhận lãi 848 tỷ đồng từ việc thoái khoản vốn đầu tư vào cổ phiếu VJC, đóng góp đáng kể vào lợi nhuận ngoài lãi. Trong khi đó, chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tín dụng chỉ tăng lần lượt 7,7% và 8,7% svck. Nhờ vậy, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 6.519 tỷ đồng (+60,0% svck).
- **KQKD cả năm 2025: Tăng trưởng lợi nhuận tích cực, tuy nhiên biên lãi thu hẹp và chất lượng tài sản chịu áp lực.**
- ✓ Tổng thu nhập hoạt động đạt 42.687 tỷ (+25,4% svck). LNTT ghi nhận 21.322 tỷ đồng (+27,4% svck), tương đương 101% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Trong đó:
 - ✓ **Thu nhập lãi thuần:** Ghi nhận 34.746 tỷ đồng (+12,6% svck), chiếm 81,4% tổng thu nhập hoạt động. Tốc độ tăng trưởng thu nhập lãi thuần và tỷ trọng mảng này đã hạ nhiệt đáng kể so với năm 2024, phản ánh áp lực lên biên lãi ròng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế.
 - **Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao +25,7% svck (mặc dù doanh nghiệp đã bán nợ cho Vikkibank trong Q4),** cao hơn mức trung bình ngành là +19,4%. Thị phần cho vay khách hàng năm 2025 tăng lên 3,9%. Tăng trưởng tín dụng đến từ hoạt động mua nợ 24 nghìn tỷ đồng và tăng trưởng cho vay khách hàng +23,5% svck. Cụ thể:
 - (i) **Xét theo cơ cấu:** tăng trưởng chủ yếu đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp, đạt 368 nghìn tỷ đồng (+39,0% svck, chiếm đến 89,8% tăng trưởng tín dụng trong năm) thông qua các chương trình trọng điểm, ưu đãi doanh nghiệp SMEs. Dư nợ cho vay bán lẻ tăng trưởng ở mức thấp theo xu hướng chung toàn ngành, tăng 5,1% svck.
 - (ii) **Xét theo ngành nghề:** tăng trưởng tín dụng tăng mạnh ở các lĩnh vực như thương mại (+35,9% svck, chiếm 18,5% danh mục), xây dựng (+57,6% svck, chiếm 12,3% danh mục) và dịch vụ tài chính (+45,9% svck, chiếm 8,2% danh mục). Trong khi đó, dư nợ cho vay kinh doanh BĐS và xây dựng giảm 1,4% svck, một phần do HDB đã bán nợ cho Vikkibank (tổng giá trị 85.611 tỷ đồng), tuy nhiên vẫn chiếm tỷ trọng tương đối lớn 12,8%.

BẢNG 1 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025	% svck	2024	2025	% svck
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	8.203	9.756	18,9%	30.857	34.746	12,6%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	1.249	2.575	106,2%	3.175	7.941	150,1%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	9.452	12.330	30,4%	34.032	42.687	25,4%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	3.545	3.820	7,7%	11.981	11.614	-3,1%
CIR (%)	37,5%	31,0%		35,2%	27,2%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	1.832	1.991	8,7%	5.321	9.751	83,2%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	4.075	6.519	60,0%	16.730	21.322	27,4%
NIM (%)	5,67%	5,02%		5,48%	4,79%	
Chi phí tín dụng (%)	1,74%	1,54%		1,35%	1,97%	
ROA (%)	1,88%	2,39%		2,13%	2,17%	
ROE (%)	25,6%	31,6%		27,9%	27,5%	

Nguồn: HDB, ABS Research

BẢNG 2 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

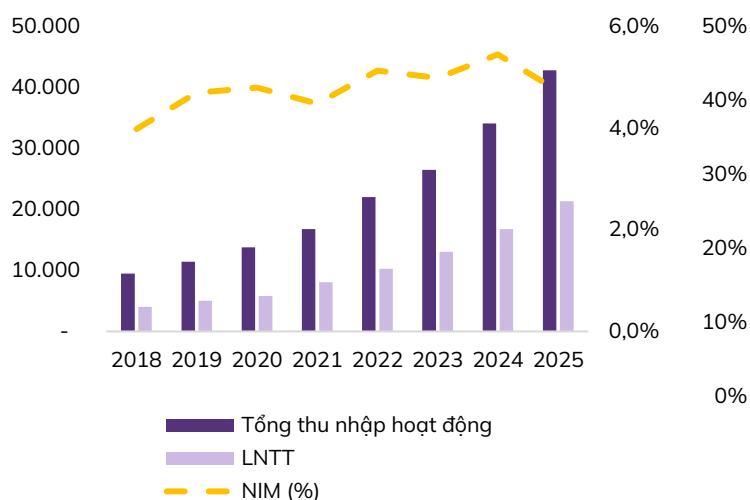
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q4/2024	Q4/2025	% svck
Tổng vốn chủ sở hữu	50.221	69.914	39,2%
Tổng tài sản	697.366	931.101	33,5%
Tổng tín dụng	448.914	588.022	31,0%
Tổng huy động	621.119	831.504	33,9%
Nợ xấu (%)	1,93%	2,44%	
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	68,7%	54,8%	
LDR thuần (bao gồm chứng chỉ tiền gửi) (%)	86,5%	87,1%	

Nguồn: HDB, ABS Research

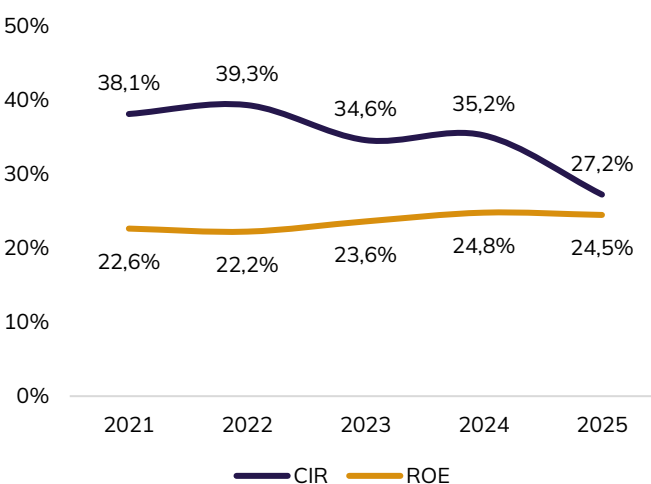
- ✓ **NIM thu hẹp tuy nhiên vẫn thuộc top cao trong ngành.** NIM thu hẹp rõ rệt trong năm 2025 còn 4,79%, giảm -69 bps svck do áp lực từ lãi suất huy động tăng. Tuy nhiên, HDB vẫn là ngân hàng sở hữu NIM cao top 2 toàn ngành, cao hơn đáng kể so với trung bình ngành 3,0%, nhờ lãi suất cho vay tại Công ty tài chính HD Saison ở mức cao.
- ✓ **Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh +150,1% svck, đóng góp 36,7% tăng trưởng TOI.**
- Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi chủ yếu nhờ hoạt động dịch vụ, đạt 4.126 tỷ đồng (+191,3% svck). Đáng chú ý, là sự bứt phá lợi nhuận từ của khoản mục “dịch vụ khác” (+380,6% svck), trong khi mảng thanh toán ghi nhận suy giảm (-10,1% svck). “Dịch vụ khác” nhiều khả năng bao gồm các khoản phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và phí phân phối trái phiếu doanh nghiệp. Động lực tăng trưởng được hỗ trợ bởi hệ sinh thái tài chính của ngân hàng, đặc biệt là công ty chứng khoán HDBS (HDS) (tỷ lệ sở hữu ~30%), đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động tư vấn phát hành, phân phối trái phiếu và dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB).
- Hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng ghi nhận đà tăng trưởng +50,8% svck trong bối cảnh tỷ giá biến động mạnh trong năm 2025. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán lãi lần lượt 639 tỷ đồng (+827,7% svck) và 856 tỷ đồng (+1154,1% svck) nhờ thị trường chứng khoán đã hồi phục tích cực trong năm.
- ✓ Lợi nhuận ròng từ hoạt động khác đạt 737 tỷ đồng (+4,3% svck). Trong năm, công ty đã ghi nhận thu nhập 538 tỷ đồng (+94,5% svck) nhờ thu hồi nợ xấu. Ngoài ra, HDB cũng có thu nhập từ nghiệp vụ mua bán nợ 208 tỷ đồng, gấp hơn 10 lần svck.
- ✓ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng là 9.751 tỷ đồng (+83,2% svck), qua đó gia tăng tỷ lệ chi phí tín dụng lên mức 1,97% (+62 bps svck), cao hơn trung bình ngành là 1,1%. Chênh lệch giữa NIM và chi phí tín dụng của HDB duy trì ở mức cao so với mặt bằng ngành (trung bình 1,9%), phản ánh khả năng tạo lợi suất điều chỉnh theo rủi ro tương đối tốt.

- ✓ **HDB là nằm trong nhóm top 5 ngân hàng có chi phí vận hành thấp nhất toàn ngành.** Chi phí vận hành năm 2025 của HDB là 11.614 tỷ đồng (-3,1% svck). Tỷ lệ đó tỷ lệ CIR giảm về mức thấp kỷ lục nhất trong các năm hoạt động là 27,2%.
- **Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động: Chất lượng tài sản chịu áp lực giảm.**
- ✓ Tại thời điểm 31/12/2025, nợ xấu của HDB là 13.320 tỷ đồng, tăng mạnh +55,7% svck. Tỷ trọng nợ xấu là 2,44% trên tổng dư nợ, tương đương mức trung bình ngành. Tỷ lệ này đã giảm so với quý trước, tuy nhiên tăng mạnh so với số 1,93% đầu năm và là mức cao nhất trong vòng 10 năm. Theo đó, mặc dù ngân hàng đã đẩy trích lập dự phòng tăng rất mạnh +83,2% svck, tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn suy giảm rõ rệt còn 54,8% (-13,9 điểm phần trăm svck), ở mức trung bình thấp trong ngành.
- ✓ Huy động vốn duy trì tích cực, gia tăng mạnh vào cuối năm. Tính chung cả năm 2025, tăng trưởng huy động thị trường 1 đạt mức +28,2% so với đầu năm, tốc độ tăng trưởng thuộc top 3 trong ngành. Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên vốn huy động (tính cả chứng chỉ tiền gửi) là 87,1% (+60 bps svck). Đáng chú ý, việc gia tăng tiền gửi có kỳ hạn trong Q4, đặc biệt ở các kỳ hạn ngắn, diễn ra đồng pha với tăng trưởng cho vay ngắn hạn, cho thấy ngân hàng chủ động cân đối nguồn – sử dụng vốn theo kỳ hạn. Tỷ lệ CASA đạt 12,1%, tăng +30 bps svck, nhờ ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển đổi số. Tỷ lệ này thấp hơn số trung bình ngành là 15,2% và các ngân hàng top đầu, tuy nhiên cao hơn trung bình các ngân hàng cùng quy mô (11,6%)
- ✓ Các chỉ số an toàn tài chính của HDB được kiểm soát trong vùng quy định. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt 16,7% theo chuẩn Basel II, thuộc nhóm cao nhất ngành và cao hơn đáng kể so với mức tối thiểu 8% theo quy định của NHNN.

Tổng thu nhập hoạt động, LNNT (tỷ đồng) và NIM (%)

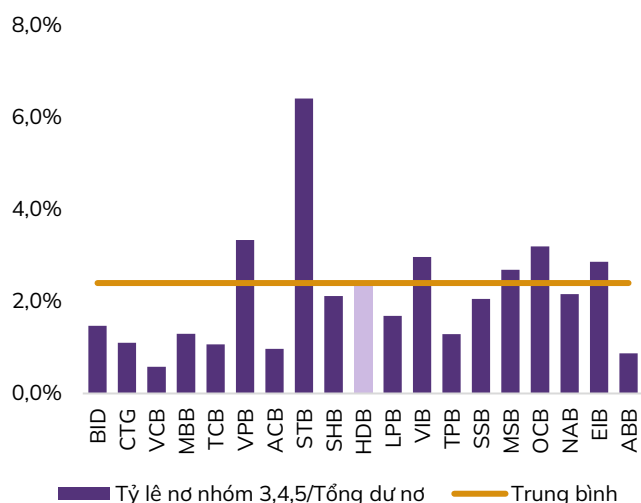


Chi phí hoạt động (CIR) và ROE (%)

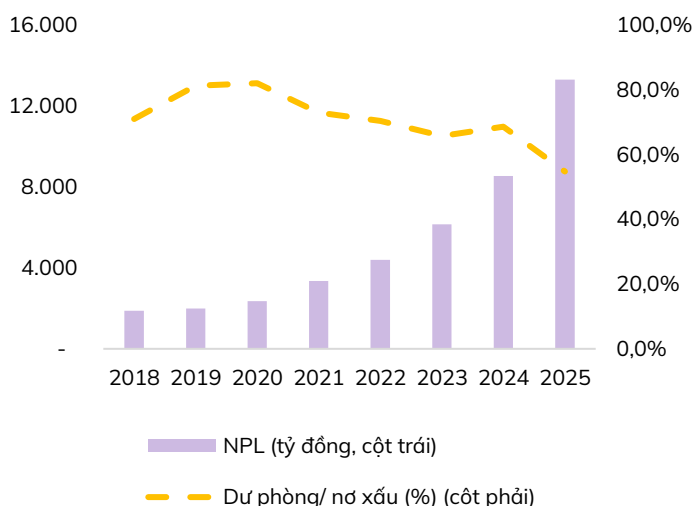


Nguồn: HDB, ABS Research

Tỷ lệ dư nợ nhóm 3,4,5/Tổng dư nợ các ngân hàng

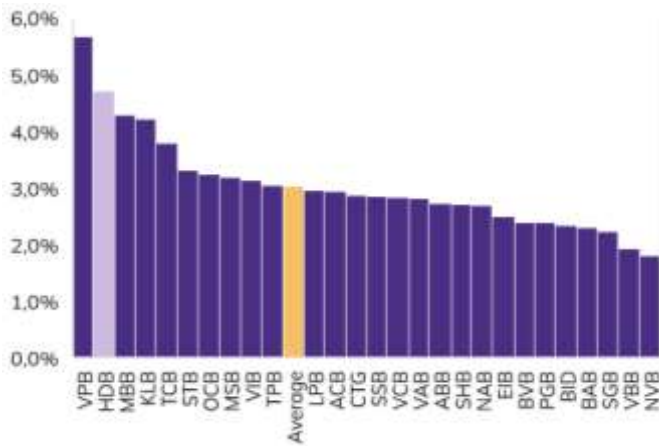


NPL và dự phòng nợ xấu

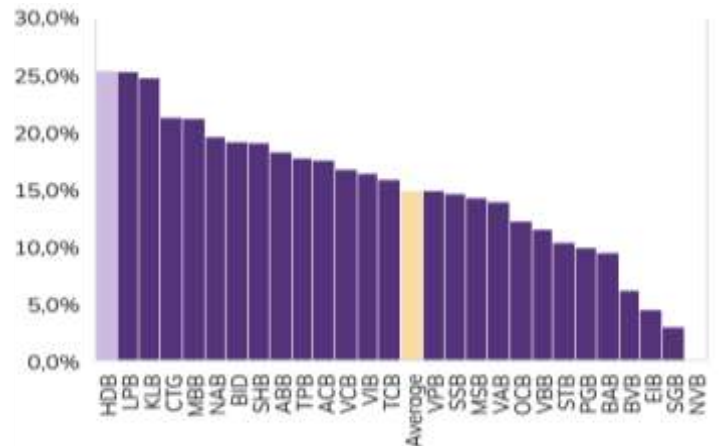


Nguồn: HDB, ABS Research

Hệ số NIM của các ngân hàng (%)

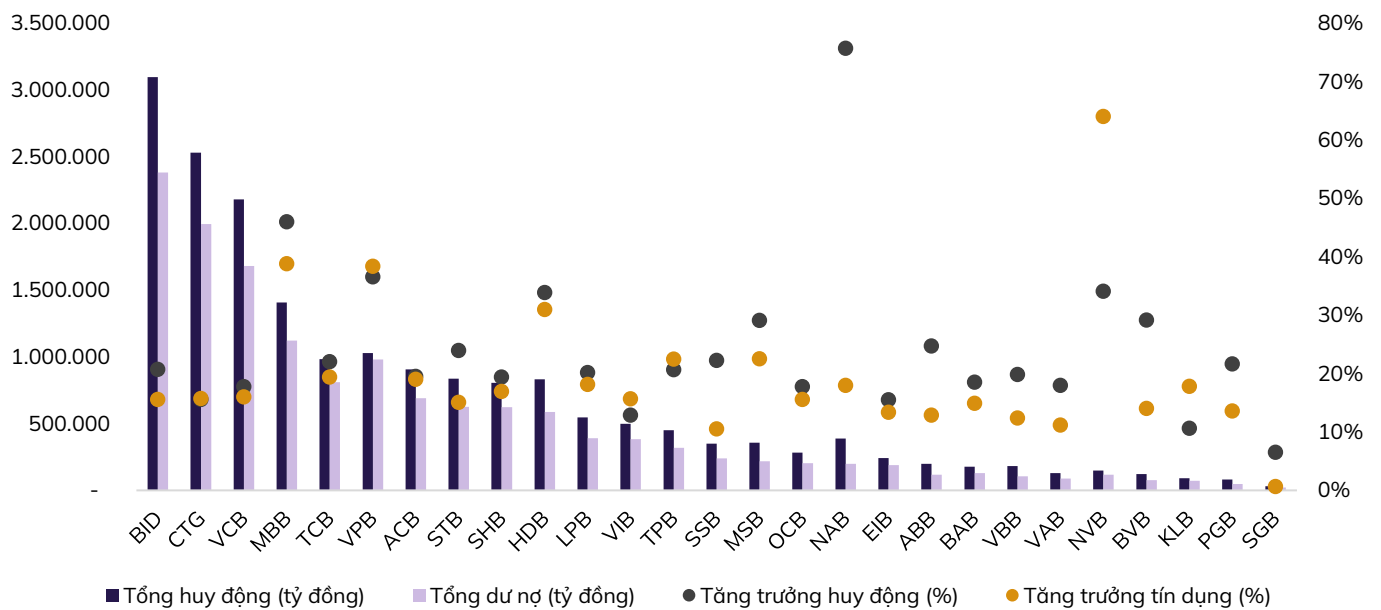


Chỉ số ROE các ngân hàng (%)



Nguồn: ABS Research

Tổng huy động và tổng dư nợ của các ngân hàng cuối năm 2025 (tỷ đồng, % svck)



Nguồn: BCTC các ngân hàng, ABS Research

Triển vọng và Dự báo

- Theo nghị quyết trình ĐHĐCĐ 2026, chỉ tiêu kế hoạch kết quả hoạt động của ngân hàng HDB trong năm 2026 như sau:
 - ✓ Tổng tài sản tăng trưởng 28% svck, lên mức 1,2 triệu tỷ đồng.
 - ✓ Tổng dư nợ tăng lên 804.562 tỷ đồng (+27% svck).
 - ✓ Tổng huy động tăng trưởng 28% svck.
 - ✓ LNTT đạt 30.100 tỷ đồng (+41% svck)
 - ✓ HDBank dự kiến nâng vốn điều lệ lên 69.857 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu lên 101.535 tỷ đồng trong năm 2026, chủ yếu thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 30%.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA HDB

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	%YOY
Tổng tài sản (tỷ đồng)	931.1014	1.194.481	+28%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	21.346	30.100	+41%
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	588.022	804.562	+37%
Tổng huy động (tỷ đồng)	831.504	1.060.595	+28%

Nguồn: HDB, ABS Research

- Chúng tôi cho rằng HDB có thể đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh trên nhờ vào các yếu tố:
 - ✓ Tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ nhờ các yếu tố:
 - Hạn mức tăng trưởng cao hơn trung bình ngành, nhờ việc tham gia tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém (Vikki Bank). Theo đó, HDB được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng lên tới 35% trong năm 2025–2027, cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung toàn ngành ở mức 15%.
 - Bên cạnh đó, hệ sinh thái liên quan đến Vietjet Air (VJC) hỗ trợ tăng trưởng tín dụng. Hiện nay, VJC cũng đang mở rộng, triển khai các dự án chiến lược (dự án “Trung tâm kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay tại sân bay Long Thành”, đầu tư mở rộng sang dịch vụ kỹ thuật, bảo dưỡng và hàng không phụ trợ, mua mới và tiếp nhận máy bay thân rộng AirbusA330 NEO, huy động 3.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ) qua đó gián tiếp hỗ trợ nhu cầu tín dụng và dịch vụ tài chính của ngân hàng.
 - ✓ Thu nhập từ phí được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2026 (~20% svck). Sự mở rộng của các mảng này được hỗ trợ bởi nền tảng khách hàng doanh nghiệp từ hệ sinh thái tập đoàn và cá nhân ngày càng lớn, cùng với nhu cầu gia tăng đối với các sản phẩm tài chính trong bối cảnh thị trường vốn dần hồi phục.
 - ✓ KQKD của HDB được hỗ trợ bởi đóng góp từ các công ty con, với triển vọng hoạt động duy trì tích cực và kế hoạch tăng vốn nhằm mở rộng quy mô trong giai đoạn tới.
 - CTCP Chứng khoán HDBS: HDS đang đẩy mạnh tăng vốn điều lệ lên tối đa hơn 11 nghìn tỷ đồng thông qua các phương án: i) Kế hoạch tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đ/cp; ii) Kế hoạch IPO vào năm 2026, hướng tới niêm yết trên sàn HOSE hoặc UpCoM. Việc tăng vốn quy mô lớn này sẽ tạo nền tảng cho HDS mở rộng mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi trong bối cảnh thị trường được kỳ vọng sôi động hơn.
 - HD Saison: Đầu năm 2026, HDB đã nâng sở hữu HD Saison lên 75% từ mức 50%, qua đó gia tăng mức độ hợp nhất lợi nhuận từ mảng tài chính tiêu dùng – phân khúc có biên lợi nhuận cao và đóng vai trò động lực tăng trưởng chính. HD Saison cũng được định hướng tăng vốn và tiến tới niêm yết trong giai đoạn tới, qua đó hỗ trợ mở rộng quy mô cho vay của ngân hàng.

- ✓ Hiệu quả hoạt động duy trì ổn định, với CIR dự kiến giữ ở mức thấp nhờ nền tảng số hóa và kiểm soát chi phí tốt. Đồng thời, quy mô tăng trưởng giúp ngân hàng tận dụng hiệu ứng đòn bẩy hoạt động, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận.
- **Chúng tôi lưu ý một số rủi ro liên quan bao gồm:**
 - Rủi ro về chất lượng tài sản trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng cao. Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, có thể tạo áp lực lên chất lượng tài sản trong trung hạn. Trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của HDB đang ở mức tương đối thấp so với ngành, làm suy giảm bộ đệm dự phòng và gia tăng rủi ro nếu nợ xấu tiếp tục hình thành.
 - Chúng tôi cho rằng trong bối cảnh mở rộng tín dụng trong năm 2026 và cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành, HDB sẽ duy trì lãi suất huy động ở mức cao nhằm nâng cao thanh khoản, đồng nghĩa với việc gia tăng chi phí vốn, tăng áp lực NIM.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST của cổ đông công ty mẹ sau khi điều chỉnh trích lập quỹ thưởng và phúc lợi là 19.175 tỷ đồng (+16,2% svck). EPS và BVPS 2026F lần lượt là 3.831 đ/cp và 19.473 đ/cp. Tại mức giá hiện tại, P/E và P/B lần lượt là 6,81x lần và 1,34x lần. ROE 2026F là 21,5%.
- Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu của HDB ở mức 29.500 đ/cp, tương ứng P/B 2026F ở mức 1,52x lần. Với tiềm năng tăng giá +13,0% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** với cổ phiếu HDB.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA HDB

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	52.641	57.996	67.992	78.632
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(30.457)	(27.138)	(33.246)	(37.357)
Thu nhập lãi thuần	22.184	30.857	34.746	41.276
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.830	3.296	5.698	7.692
Chi phí hoạt động dịch vụ	(642)	(1.879)	(1.571)	(2.751)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.188	1.417	4.126	4.941
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	565	844	1.272	1.463
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	42	69	639	767
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.167	68	856	86
Thu nhập từ hoạt động khác	542	870	1.026	1.334
Chi phí hoạt động khác	(282)	(164)	(290)	(376)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	259	706	737	958
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9	72	310	310
Tổng thu nhập hoạt động	26.414	34.032	42.687	49.801
Chi phí hoạt động	(9.129)	(11.981)	(11.614)	(12.749)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	17.284	22.051	31.073	37.052
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.268)	(5.321)	(9.751)	(8.228)
Tổng lợi nhuận trước thuế	13.017	16.730	21.322	28.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.681)	(3.482)	(4.269)	(5.771)
Lợi nhuận sau thuế	10.336	13.248	17.053	23.053
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(265)	(485)	(549)	(742)

An toàn vốn	2023	2024	2025	2026F
VCSH/TTS	7,4%	7,8%	8,1%	8,3%
VCSH/ Cho vay khách hàng	12,9%	12,3%	13,8%	13,4%

An toàn vốn	2023	2024	2025	2026F
NPL	1,8%	1,9%	2,4%	2,5%
Dự phòng bao nợ xấu	65,8%	68,7%	54,8%	64,6%

Hiệu quả hoạt động	2023	2024	2025	2026F
CIR	34,6%	35,2%	27,2%	25,6%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	84,0%	90,7%	81,4%	82,9%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	16,0%	9,3%	18,6%	17,1%

Lợi nhuận	2023	2024	2025	2026
NIM	5,0%	5,4%	4,7%	4,2%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HKKD	16,0%	9,3%	18,6%	17,1%
ROA	2,0%	2,0%	2,1%	2,2%
ROE	23,6%	24,8%	24,5%	21,5%

Thanh khoản	2023	2024	2025	2026
LDR thuần	83,8%	86,5%	87,1%	88,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.810	3.105	4.127	(6.044)
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	41.482	26.680	59.907	53.458
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	96.515	101.600	184.262	211.902
Chứng khoán kinh doanh	18.581	21.956	491	570
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	110	0	0	0
Cho vay khách hàng	339.350	436.606	539.069	716.242
Chứng khoán đầu tư	44.092	48.751	76.812	124.533
Đầu tư dài hạn	144	858	1.150	3.182
Tài sản cố định	1.423	1.766	1.860	2.094
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản Có khác	57.809	56.044	39.669	41.228
Tổng tài sản	602.315	697.366	931.093	1.172.287
Các khoản nợ NHNN	27	15	11.426	11.426
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	112.087	99.461	169.207	194.588
Tiền gửi của khách hàng	370.778	437.505	560.714	763.693
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	18	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	2.811	2.788	2.722	2.722
Phát hành giấy tờ có giá	50.938	81.350	87.434	99.675
Các khoản nợ khác	19.274	19.571	21.332	22.612
Tổng nợ phải trả	536.641	621.138	831.504	1.072.105
Vốn	29.199	35.224	51.328	50.914
Dự phòng	4.708	6.313	10.051	15.105
Chênh lệch tỷ giá	0	0	0	0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	10.562	12.954	14.191	31.448
Tổng vốn chủ sở hữu	44.469	54.491	75.570	97.467
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.931	2.166	2.715	2.715
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	583.041	677.795	909.790	1.172.287

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Huy động khách hàng	71,8%	18,0%	28,2%	36,2%
Tín dụng	31,8%	27,0%	25,8%	34,8%
Tổng tài sản	44,7%	15,8%	33,5%	25,9%
Vốn chủ sở hữu	20,3%	22,5%	38,7%	29,0%
Thu nhập lãi thuần	23,2%	39,1%	12,6%	18,8%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	20,2%	28,8%	25,4%	16,7%
Chi phí hoạt động	5,8%	31,2%	-3,1%	9,8%
Lợi nhuận trước thuế	26,8%	28,5%	27,4%	35,2%
Lợi nhuận sau thuế	25,9%	28,2%	28,7%	35,2%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
EPS (đồng/cp)	3.704	3.977	3.876	3.831
BVPS (đồng/cp)	15.294	15.524	15.098	19.473

Nguồn: FiinPro, HDB, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PKTK và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây